| CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |

Số: 82/BC-CNTĐ- HĐQT

*Tp.HCM , ngày 22 tháng 01 năm 2018*

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT NĂM 2017 (TÀI LIỆU CBTT)

**Kính gửi:**
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
  (Phòng Công bố thông tin; Vụ Quản lý phát hành)
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.**

- Tên công ty niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp.HCM
- Điện thoại: 3896 2040 . Fax: 3896 0241. Email: idscntd@gmail.com
- Vốn điều lệ: 85 tỷ đồng.
- Mã chứng khoán: TDW

## I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành 01 phiên họp thường niên và ban hành Nghị quyết với nội dung chủ yếu như sau:

| Số tt | Số Nghị quyết/QĐ | Ngày | Nội dung thông qua |
|---|---|---|---|
| 1 | 008 /NQ-ĐHĐCĐ | 19/4/2017 | - Báo cáo của HĐQT về công tác quản trị năm 2016;<br>- Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2016;<br>- Kết quả sản xuất kinh doanh và Kết quả hoạt động tài chính năm 2016;<br>- Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2016;<br>- Mức thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2016, và thù lao năm 2017;<br>- Kế hoạch SXKD 2017; Kế hoạch Quỹ lương VCQL năm 2017<br>- Ủy quyền HĐQT: Xem xét, quyết định kế hoạch tài chính năm 2017; Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 dựa trên đề xuất của Ban Kiểm soát.<br>- Giao Giám đốc công ty ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, không |

| Số tt | Số Nghị quyết/QĐ | Ngày | Nội dung thông qua |
|---|---|---|---|
| | | | giới hạn giá trị hợp đồng, trên cơ sở cố gắng duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh và phải được sự phê chuẩn của HĐQT về đơn giá mua bán sỉ nước sạch. Thời gian ủy quyền 01 năm, và thời hạn hợp đồng không quá 12 tháng. Khi có sự thay đổi về đơn giá mua bán thì Giám đốc Công ty phải trình HĐQT xem xét quyết định trước khi ký hợp đồng.<br>- Giao giám đốc công ty ký Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn; và Hợp đồng thuê lại mạng lưới cấp nước do Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác. đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác sau khi đã được HĐQT phê chuẩn.<br>- Bầu TV.HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2017-2022 |

## II.Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2017)

1. Thông tin về thành viên HĐQT

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là TV.HĐQT | Số buổi họp HĐQT | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **NHIỆM KỲ 2012 - 2017** | | | | | |
| 1 | Nguyễn Hoài Nam | Chủ tịch | 18/4/2012 | 02/02 | 100% | |
| 2 | Huỳnh Tuấn Anh | TV kiêm Giám đốc | 18/4/2012 | 02/02 | 100% | |
| 3 | Nguyễn Văn Dụ | Thành viên | 18/4/2012 | 02/02 | 100% | |
| 4 | Lâm Tứ Duy | TV kiêm PGĐ | 16/4/2015 | 02/02 | 100% | |
| 5 | Nguyễn Ngọc Thái Bình | Thành viên | 16/4/2014 | 02/02 | 100% | |
| 6 | Lục Chánh Trường | Thành viên | 25/02/2014 | 02/02 | 100% | |
| **II** | **NHIỆM KỲ 2017 - 2022** | | | | | |
| 1 | Nguyễn Tống Đăng Khoa | Chủ tịch | 19/4/2017 | 04/04 | 100% | |
| 2 | Huỳnh Tuấn Anh | TV kiêm Giám đốc | 19/4/2017 | 04/04 | 100% | |

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là TV.HĐQT | Số buổi họp HĐQT | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Nguyễn Văn Dụ | Thành viên | 19/4/2017 | 04/04 | 100% | |
| 4 | Lý Thành Tài | Thành viên | 19/4/2017 | 04/04 | 100% | |
| 5 | Nguyễn Ngọc Thái Bình | Thành viên | 19/4/2017 | 04/04 | 100% | |
| 6 | Lục Chánh Trường | Thành viên | 19/4/2017 | 04/04 | 100% | |

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc:

Các nội dung giám sát gồm:

- Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2016 trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách quy định của Nhà nước trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và công bố thông tin.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức không thành lập tiểu ban HĐQT. Tuy nhiên, có cử thành viên phụ trách chính sách Nhân sự, Lương – thưởng và Chính sách phát triển. Các thành viên đã tham mưu cho HĐQT theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

4.Các Nghị quyết của HĐQT (Báo cáo năm 2017)

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung thông qua |
|---|---|---|---|
| 1 | 001/NQ-HĐQT | 09/3/2017 | - Thời gian và địa điểm tổ chức ĐHCĐ. |
| 2 | 006/NQ-HĐQT | 04/4/2017 | - BCTC năm 2016 kiểm toán<br>- Đánh giá, xếp loại doanh nghiệp và VCQL năm 2016.<br>- Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2016 trình ĐHĐCĐ.<br>- Quỹ lương thực hiện và bổ |

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung thông qua |
|---|---|---|---|
| | | | sung lương tháng 13 của NLĐ năm 2016.<br>- Quỹ lương thực hiện và thù lao VCQL năm 2016<br>- Kế hoạch sử dụng lao động năm 2017<br>- Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.<br>- Vay vốn phát triển mạng. |
| 3 | 010/NQ-HĐQT | 19/4/2017 | - Bầu nhân sự HĐQT.<br>- Cử thành viên phụ trách chính sách Lương, thưởng – Nhân sự; Chính sách phát triển. |
| 4 | 011/NQ-HĐQT | 20/4/2017 | - Chi trả cổ tức còn lại năm 2016 |
| 5 | 013/NQ-HĐQT | 31/5/2017 | - Lựa chọn đơn vị kiểm toán |
| 6 | 014/NQ-HĐQT | 31/5/2017 | - Điều chỉnh, bổ sung thang bảng lương. |
| 7 | 015/NQ-HĐQT | 31/5/2017 | - Kết quả hoạt động tài chính quý 1/2017.<br>- Kế hoạch quỹ lương NLĐ năm 2017 (tạm tính).<br>- Bổ sung quỹ lương VCQL năm 2017. |
| 8 | 017/NQ-HĐQT | 21/9/2017 | - Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty. |
| 9 | 020/NQ-HĐQT | 09/11/2017 | - Báo cáo tài chính quý 3<br>- Điều chỉnh danh mục đầu tư năm 2017 |

## III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2017)

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là TV.BKS | Số buổi họp BKS | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **NHIỆM KỲ 2012 - 2017** | | | | | |
| 1 | Hoàng Ngọc Lâm | Trưởng ban | 18/4/2012 | 01/01 | 100% | |

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là TV.BKS | Số buổi họp BKS | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Trần Luyện Như An | Thành viên | 16/4/2014 | 01/01 | 100% | |
| 3 | Hoàng Thanh Bình | Thành viên | 18/4/2012 | 01/01 | 100% | |
| 4 | Lê Văn Diễn | Thành viên | 16/4/2014 | 01/01 | 100% | |
| **II** | **NHIỆM KỲ 2017 - 2022** | | | | | |
| 1 | Hoàng Thanh Bình | Trưởng ban | 19/4/2017 | 03/03 | 100% | |
| 2 | Hoàng Ngọc Lâm | Thành viên | 19/4/2017 | 03/03 | 100% | |
| 3 | Lê Văn Diễn | Thành viên | 19/4/2017 | 03/03 | 100% | |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | Thành viên | 19/4/2017 | 03/03 | 100% | |

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông giám sát hoạt động SXKD của Công ty thông qua các hoạt động sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Xem xét sổ kế toán và của công ty.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh hằng quý và báo cáo tài chính năm.
- Trình báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Đề xuất việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017.
- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT, thông qua đó có ý kiến về báo cáo tài chính, về định hướng và các vấn đề có luiên quan đến hoạt động SXKD.

3. Sự phối hợp hoạt động của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát.

- Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát.
- Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Hoạt động khác của BKS: không có

**IV. Đào tạo về quản trị công ty**

Danh sách các thành viên đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty:

- Huỳnh Tuấn Anh – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc.
- Lâm Tứ Duy – Phó giám đốc.
- Hoàng Thanh Bình – Trưởng ban kiểm soát
- Nguyễn Thị Ngọc Hạnh – Kế toán trưởng.
- Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký công ty.

**V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính công ty.**

1. Danh sách về người có liên quan của công ty.

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản GDCK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** | | | | | | | | | |
| **1** | **Nguyễn Hoài Nam** | | **Chủ tịch** | | | | | 18/4/2012 | 19/4/2017 | *Hết nhiệm kỳ* |
| 1.1 | Đào Thị Nhàn | | Mẹ | | | | | | | |
| 1.2 | Nguyễn Kim Ánh | | Chị | | | | | | | |
| 1.3 | Trần Thị Thu Thành | | Vợ | | | | | | | |
| 1.4 | Nguyễn Đăng Khoa | | Con | | | | | | | |
| 1.5 | Nguyễn Đăng Khôi | | Con | | | | | | | |
| **2** | **Nguyễn Tống Đăng Khoa** | | **Chủ tịch** | | | | | 19/4/2017 | | *Bổ nhiệm là TV.HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022* |
| 2.1 | Tống Thị Ngọc Màng | | Mẹ | | | | | | | |
| 2.2 | Nguyễn Thị Hồng Phượng | | Vợ | | | | | | | |
| 2.3 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Như | | Con | | | | | | | |
| 2.4 | Nguyễn Đức Thiện | | Con | | | | | | | |
| **3** | **Huỳnh Tuấn Anh** | | **TV. Kiêm Giám đốc** | | | | | 19/4/2017 | | *TV.HĐQT NK 2012-2017 và bổ nhiệm TV HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022* |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản GDCK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3.1 | Huỳnh Văn Quý | | Cha | | | | | | | |
| 3.2 | Nguyễn Thị Thanh Độ | | Mẹ | | | | | | | |
| 3.3 | Huỳnh Thanh Điệp | | Chị | | | | | | | |
| 3.4 | Lê Thị Thanh Hương | | Vợ | | | | | | | |
| 3.5 | Huỳnh Thanh Hải | | Con | | | | | | | |
| 3.6 | Huỳnh Lê Ngọc An | | Con | | | | | | | |
| **4** | **Nguyễn Văn Dụ** | | **Thành viên** | | | | | 19/4/2017 | | *TV.HĐQT NK:2012-2017 và là TV HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022* |
| 4.1 | Phạm Bích Hà | | Vợ | | | | | | | |
| 4.2 | Nguyễn Bích Hằng | | Con | | | | | | | |
| 4.3 | Nguyễn Phạm Quốc Huy | | Con | | | | | | | |
| 4.4 | Nguyễn Thị Liễu | | Em | | | | | | | |
| 4.5 | Nguyễn Văn Đính | | Em | | | | | | | |
| 4.6 | Nguyễn Thị Kim Yên | | Em | | | | | | | |
| 4.7 | Nguyễn Thị Kim Yến | | Em | | | | | | | |
| **5** | **Lâm Tứ Duy** | | **TV kiêm PGĐ** | | | | | 16/4/2015 | 19/4/2017 | *Hết nhiệm kỳ* |
| 5.1 | Lâm Xuồi Hên | | Cha | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản GDCK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5.2 | Ngô Thị Thanh Yến | | Mẹ | | | | | | | |
| 5.3 | Lâm Khánh Huy | | Anh | | | | | | | |
| 5.4 | Lâm Tố Uyên | | Chị | | | | | | | |
| 5.5 | Lâm Vi Thúy | | Chị | | | | | | | |
| 5.6 | Phạm Thị Ngọc Thanh | | Vợ | | | | | | | |
| 5.7 | Lâm Duy Khôi | | Con | | | | | | | |
| 5.8 | Lâm Duy Khoa | | Con | | | | | | | |
| **6** | **Lục Chánh Trường** | | **Thành viên** | | | | | 19/4/2017 | | *TV.HĐQT NK 2012-2017 ; TV HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022* |
| 6.1 | Lục Văn Trung | | Cha | | | | | | | |
| 6.2 | Phan Thị Trạch | | Mẹ | | | | | | | |
| 6.3 | Lục Chánh trực | | Anh | | | | | | | |
| 6.4 | Lục Chánh Trí | | Em | | | | | | | |
| 6.5 | Lê Thị Chính | | Vợ | | | | | | | |
| 6.6 | Lục Chánh Minh Đạt | | Con | | | | | | | |
| 6.7 | Lục Chánh Minh Triết | | Con | | | | | | | |
| **7** | **Nguyễn Ngọc Thái Bình** | | **Thành viên** | | | | | 19/4/2017 | | *TV.HĐQT NK 2012-2017 ; TV HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022* |
| 7.1 | Nguyễn Ngọc Hải | 003C000043 | Cha | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản GDCK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7.2 | Nguyễn Thị Mai Thanh | 011C066888 | Mẹ | | | | | | | |
| 7.3 | Nguyễn Ngọc Nhất Hạnh | 003C027519 | Em | | | | | | | |
| 7.4 | Trương Thị Minh Hạnh | 003C016385 | Vợ | | | | | | | |
| 7.5 | Nguyễn Nam Trung | | Con | | | | | | | |
| 7.6 | Nguyễn Nguyên Hạnh | | Con | | | | | | | |
| 7.7 | Nguyễn Thanh Mai | | Con | | | | | | | |
| **8** | **Lý Thành Tài** | | **Thành viên** | | | | | 19/4/2017 | | *TV.HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022* |
| 8.1 | Lý Thành Quận | | Cha | | | | | | | |
| 8.2 | Nguyễn Thị Kim Thoa | | Mẹ | | | | | | | |
| 8.3 | Bùi Nhật Lam | | Vợ | | | | | | | |
| 8.4 | Lý Mẫn Nhi | | Con | | | | | | | |
| 8.5 | Lý Thành Toàn | | Con | | | | | | | |
| 8.6 | Lý Quốc Thắng | | Em | | | | | | | |
| 8.7 | Lý Quốc Thanh | | Em | | | | | | | |
| 8.8 | Lý Thị Minh Thư | | Em | | | | | | | |
| **II** | **BAN KIỂM SOÁT** | | | | | | | | | |
| **1** | **Hoàng Thanh Bình** | | **Trưởng ban** | | | | | 19/4/2017 | | *TV.BKS nhiệm kỳ 2012-2017; Trưởng BKS* |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản GDCK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | *nhiệm kỳ 2017-2022* |
| 1.1 | Huỳnh Thị Thu Thảo | | Vợ | | | | | | | |
| 1.2 | Hoàng Gia Ân | | Con | | | | | | | |
| 1.3 | Hoàng Thị Nguyệt | | Chị | | | | | | | |
| 1.4 | Hoàng Mạnh Tiến | | Anh | | | | | | | |
| 1.5 | Hoàng Phi Long | | Anh | | | | | | | |
| 1.4 | Hoàng Thế Bảo | | Anh | | | | | | | |
| **2** | **Hoàng Ngọc Lâm** | | **Thành viên** | | | | | 19/4/2017 | | *TBKS NK 2012-2017; TV BKS NK: 2017-2022* |
| 2.1 | Phạm Thị Tin | | Mẹ | | | | | | | |
| 2.2 | Hoàng Mạnh Hùng | | Anh | | | | | | | |
| 2.3 | Hoàng Huy Cường | | Em | | | | | | | |
| 2.4 | Hoàng Thị Ngọc Bích | | Em | | | | | | | |
| 2.5 | Hoàng Thị Phú Quý | | Em | | | | | | | |
| 2.6 | Trịnh Hoa Mai | | Vợ | | | | | | | |
| 2.7 | Hoàng Khánh Linh | | Con | | | | | | | |
| 2.8 | Hoàng Ngọc Tấn | | Con | | | | | | | |
| **3** | **Trần Luyện Như An** | 011C361880 | **Thành viên** | | | | | 16/4/2014 | 19/4/2017 | *Hết nhiệm kỳ* |
| 3.1 | Trần Ngọc Danh | | Cha | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản GDCK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | |
| 3.2 | Luyện Thị Thuần | | mẹ | | | | | | | |
| 3.3 | Trần Luyện Vân Anh | | Em | | | | | | | |
| 3.4 | Chu Trần Thiều Dương | | Con | | | | | | | |
| **4** | **Lê Văn Diễn** | | **Thành viên** | | | | | 19/4/2017 | | *TV.BKS nhiệm kỳ 2012-2017; 2017-2022* |
| 4.1 | Lê Văn Thiết | | Cha | | | | | | | |
| 4.2 | Phạm Thi Y | | Mẹ | | | | | | | |
| 4.3 | Lê Thị Dung | | Em | | | | | | | |
| 4.4 | Lê Thị Cúc | | Em | | | | | | | |
| **5** | **Nguyễn Thị Thanh Thảo** | | **Thành viên** | | | | | 19/4/2017 | | *TV.BKS nhiệm kỳ 2017-2022* |
| 5.1 | Nguyễn Văn Trong | | Cha | | | | | | | |
| 5.2 | Mai Thị Minh | | Mẹ | | | | | | | |
| 5.3 | Nguyễn Trường Phúc | | Anh | | | | | | | |
| 5.4 | Nguyễn Khánh Duy | | Em | | | | | | | |
| 5.5 | Nguyễn Tú Văn | | Chồng | | | | | | | |
| **III** | **BAN ĐIỀU HÀNH** | | | | | | | | | |
| **1** | **Nguyễn Công Minh** | 058C603478 | **PGĐ** | | | | | 01/5/2015 | | |
| 1.1 | Nguyễn Văn Cường | | Cha | | | | | | | |
| 1.2 | Nguyễn Thị Mai | | Mẹ | | | | | | | |
| 1.3 | Nguyễn Thị Tuyết Nga | | Chị | | | | | | | |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản GDCK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1.4 | Nguyễn T.Tuyết Nhung | | Chị | | | | | | | |
| 1.5 | Nguyễn Minh Trục | | Em | | | | | | | |
| 1.6 | Nguyễn Thị Lan | | Em | | | | | | | |
| 1.7 | Huỳnh Thị Liên | 058C603329 | Vợ | | | | | | | |
| 1.8 | Nguyễn Minh Khang | | Con | | | | | | | |
| 1.9 | Nguyễn Minh Dũng | | Con | | | | | | | |
| **2** | **Nguyễn Thị Ngọc Hạnh** | | **Kế toán trưởng** | | | | | 18/4/2012 | | |
| 2.1 | Nguyễn Văn Trạng | | Cha | | | | | | | |
| 2.2 | Nguyễn Thị Hòa | | Chị | | | | | | | |
| 2.3 | Nguyễn Thị Việt | | Chị | | | | | | | |
| 2.4 | Nguyễn Thị Thanh | | Chị | | | | | | | |
| 2.5 | Nguyễn Văn Bình | | Anh | | | | | | | |
| 2.6 | Nguyễn Thị Hồng Phúc | | Em | | | | | | | |
| 2.7 | Nguyễn Đức Hiền | | Em | | | | | | | |
| 2.8 | Phạm Phi Hải | | Chồng | | | | | | | |
| 2.9 | Phạm Nguyên Khải | | Con | | | | | | | |
| 2.10 | Phạm Nguyên Khôi | | Con | | | | | | | |

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm giao dịch | Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐ QT thông qua | Số lượng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn | Cổ đông lớn nắm giữ 51% (Cổ đông Nhà nước) | 0301129367 | 23/03/2010 | Sở KHĐT – Tp.HCM | 01 Công trường Quốc tế, P6, Q3, TPHCM | Từ 01/01/2017 – 31/12/2017 | 008/NQ-ĐHĐCĐ 19/4/2017 | 4.335.000 (51%) | |

Giao dịch giữa Công ty và cổ đông lớn tập trung vào các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Hợp đồng thuê lại tài sản (mạng lưới cấp nước cấp 3), cụ thể như sau:

| Stt | Số hợp đồng | Ngày | Nội dung | Giá trị hợp đồng (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 469/HĐ-TCT-KDDVKH | 24/01/2017 | Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 1 - 2 | 75.763.343.908 | |
| 2 | 1590/HĐ-TCT-KDDVKH | 30/03/2017 | Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 3 - 4 | 76.485.899.542 | |
| 3 | 2793/HĐ-TCT-KDDVKH | 29/05/2017 | Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 5 - 6 | 79.743.292.577 | |
| 4 | 3065/HĐ-TCT-KTTC | 09/06/2017 | Thuê tài sản hoạt động năm 2017 | 13.655.454.248 | |
| 8 | 1112/HĐ-TCT-KTTC | 03/03/2017 | Nhượng ĐHN Kent 15mm cấp C | 1.350.388.600 | |
| 9 | 2884/HĐ-TCT-KTTC | 06/01/2017 | Nhượng ĐHN Kent 15mm cấp C | 1.350.388.600 | |
| 10 | 3400/HĐ-TCT-KTTC | 29/6/2017 | Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 7 - 8 | 81.010.331.615 | |
| 11 | 5207/HĐ-TCT-KTTC | 29/9/2017 | Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 9 - 10 | 79.018.300.775 | |
| | | | **Tổng cộng** | **408.377.399.865** | |

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không có

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Số lượng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây: Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

## VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2017)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | TK giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I.** | **TỔ CHỨC (có đề cử người tham gia vào HĐQT, BKS)** | | | | | | | | | |
| 1 | Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn | | | | | | | 4.335.000 | 51,00% | |
| 2 | Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh | | | | | | | 3.754.720 | 44,17% | *Theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/05/2017 (VSD cung cấp)* |
| **II** | **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Tống Đăng Khoa | | Chủ tịch | | | | | 1.083.750 (cổ phần đại diện) | 12,75% | *Người ĐDVG của TCty Cấp nước Sài Gòn (13/QĐ-TCT-HĐTV ngày 21/3/2017)* |
| 2 | Huỳnh Tuấn Anh | | TV kiêm Giám đốc | | | | | 1.083.750 (cổ phần đại diện) | 12,75% | *Người ĐDVG của TCty Cấp nước Sài Gòn (13/QĐ-TCT-HĐTV ngày 21/3/2017)* |
| 3 | Nguyễn Văn Dụ | | Thành viên | | | | | 1.083.750 | 12,75% | *Người ĐDVG của TCty Cấp nước Sài* |

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | TK giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | (cổ phần đại diện) | | *Gòn (13/QĐ-TCT-HĐTV ngày 21/3/2017)* |
| 4 | Lý Thành Tài | | Thành viên | | | | | 1.083.750 (cổ phần đại diện) | 12,75% | *Người ĐDVG của TCty Cấp nước Sài Gòn (13/QĐ-TCT-HĐTV ngày 21/3/2017)* |
| 5 | Lục Chánh Trường | | Thành viên | | | | | 0 | 0% | |
| 6 | Nguyễn Ngọc Thái Bình | | Thành viên | | | | | 0 | 0% | |
| **III** | **BAN KIỂM SOÁT** | | | | | | | | | |
| 1 | Hoàng Thanh Bình | | Trưởng ban | | | | | 0 | 0% | |
| 2 | Hoàng Ngọc Lâm | | Thành viên | | | | | 0 | 0% | |
| 3 | Lê Văn Diễn | | Thành viên | | | | | 0 | 0% | |
| 4 | Nguyễn.T.Thanh Thảo | | Thành viên | | | | | 0 | 0% | |
| **IV** | **BAN GIÁM ĐỐC** | | | | | | | | | |
| 1 | Huỳnh Tuấn Anh | | TV.HĐQT - Giám đốc | | | | | 0 | 0% | |
| 2 | Lâm Tứ Duy | | TV. HĐQT - PGĐ | | | | | 0 | 0% | |
| 3 | Nguyễn Công Minh | 058C603478 | PGĐ | | | | | 800 | 0,01% | |
| **V** | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Ngọc Hạnh | | | | | | | 0 | 0% | |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết: Không có

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| - | - | - | - | - | - | - | |

**VII. Các vấn đề cần lưu ý khác : Không có**

***Nơi nhận:***
*- Như trên;*
*- TV.HĐQT;*
*- TV.BKS;*
*- BGĐ;*
*- Lưu.*

**CHỦ TỊCH HĐQT**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

**Nguyễn Tống Đăng Khoa**